

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**
Bản án số: 48 /2026/HS-PT
Ngày 28 - 4 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ –Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 22/2026/TLPT-HS, ngày 06 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Tuấn T, bị cáo Nguyễn Thiện C, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2025/HS-ST, ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Vĩnh Long.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1981 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số E, tổ H, khu phố D, phường P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre); căn cước công dân số: 083081009712; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: viên chức; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu L và bà Phan Thị C1; vợ: Đỗ Thị Tuyết S; con: có 01 người con sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/5/2025 cho đến nay (bị cáo có mặt tại tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn T gồm:

Luật sư Nguyễn Văn L1 - Hội Luật gia tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long) (có mặt)

Luật sư Nguyễn Thị B - Hội Luật gia tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long) (có mặt)

Luật sư Nguyễn Thanh H thuộc Văn phòng L2- Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt)

2. Nguyễn Thiện C, sinh năm 1963 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số E đường Đ, khu phố D phường B, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre); căn cước công dân số: 083063000247; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: cán bộ hưu trí; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thiện T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1 (đã chết); vợ: Phạm Thị A; con: có 01 con chung sinh năm 1990; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/5/2025 cho đến nay (bị cáo có mặt tại tòa)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thiện C gồm:*

Luật sư Nguyễn Văn L1 - Hội Luật gia tỉnh V (có mặt)

Luật sư Nguyễn Thị B - Hội Luật gia tỉnh V (có mặt)

Luật sư Trần Kim H2 thuộc Công ty L3 và Cộng sự- Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

Luật sư Trần Duyên A1 thuộc Công ty L4- Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Sở V1 (nay là tỉnh Vĩnh Long) do bà Phạm Đoàn Minh C2, sinh năm 1978, Chuyên viên Phòng Quản lý thể thao đại diện, theo Giấy uỷ quyền ngày 19/12/2025 của Giám đốc Sở V1 (có mặt)

2. Trường N1 nay là Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh V do bà Võ Thị Anh T2, sinh năm 1978, chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Đ (có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Hoàng A2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng do không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo, không có kháng nghị nên không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường N1, thể dục thể thao tỉnh B (nay là Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh V, gọi tắt là Trung tâm Huấn luyện) là đơn vị sự nghiệp do ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động và trực thuộc Sở Văn hóa , Thể thao và Du lịch tỉnh V1 (nay là Sở Văn hóa , Thể thao và Du lịch tỉnh V1, sau đây viết tắt là Sở VH TTDL) do Hội đồng nhân dân tỉnh B (nay là Hội đồng nhân dân tỉnh V) quyết định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách của Trường N1. Từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2023, Trường N1 (sau đây viết tắt là Trường N1) do Nguyễn Tuấn T làm Hiệu trưởng, đến tháng 9/2021 Nguyễn Hoàng A2 được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng và được Giám đốc Sở VH TTDL tỉnh phân công Nguyễn Thiện C là Phó Giám đốc trực tiếp phụ trách. Mặc dù T và C biết rõ Hội đồng nhân dân tỉnh B (đã ban hành Nghị quyết số 18 ngày 28/8/2019 và Nghị quyết số 03 ngày 19/3/2021 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 18 và Nghị quyết số 03) quy định về mức chi và việc sử dụng kinh phí để thực hiện đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long), không quy định chi tiền dinh dưỡng cho đối tượng là vận động viên, huấn luyện viên “năng khiếu dự bị tập trung” nhưng T vẫn ký Tờ trình số 386 ngày 26/9/2019 (sau đây viết tắt là Tờ trình số 386) gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh xin chủ trương chi tiền dinh dưỡng cho đối tượng này, còn C không báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh B (sau đây viết tắt là HĐND) xin

chủ trương mà tự ký văn bản số 2964 ngày 10/10/2019 (sau đây viết tắt là Công văn số 2964) đồng ý cho Trường N1 tinh chi tiền dinh dưỡng cho đối tượng là vận động viên, huấn luyện viên “năng khiếu dự bị tập trung”. Từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2023, T đã ký 86 chứng từ rút tiền ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 5.130.580.000 đồng (mỗi chứng từ rút số tiền từ 100.000.000 đồng trở lên) để chi cho đối tượng là vận động viên, huấn luyện viên “năng khiếu dự bị tập trung” ở các môn: Bơi, J, K, C3 và V.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 12/2023, T và Hoàng A2 không trực tiếp tham gia giảng dạy nhưng T đã chỉ đạo cấp dưới lập bảng chấm công cho T có tham gia giảng dạy môn C3 và Hoàng A2 có tham gia giảng dạy môn Bóng chuyền để được hưởng tiền phụ cấp giảng dạy theo quy định, sau đó Hoàng A2 trực tiếp ký duyệt bảng chấm công không này để được chi tiền, T và Hoàng A2 đã nhận tổng số tiền 244.856.700 đồng, trong đó T nhận số tiền 127.245.000 đồng, Hoàng A2 nhận số tiền 117.611.700 đồng.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án gồm: Tạm giữ của Nguyễn Tuấn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số seri MB4TU4LZ7XSOWT, số IMEI 1: 869904051149956, số IMEI 2: 869904051149949, số tiền 43.656.000 đồng; Tạm giữ của Nguyễn Thiện C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, số máy MWHR2J/A, số IMEI: 353914101711922, số tiền 100.000.000 đồng; tạm giữ của Nguyễn Hoàng A2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, số máy MGDA3VN/A, số IMEI1: 357095184147055, IMEI2: 357095184000742, IMEI3: 35709518414705, số tiền 62.437.000 đồng. Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi làm việc của T và Hoàng A2 thu giữ 01 CPU, 01 USB và nhiều tài liệu có liên quan khác để phục vụ điều tra.

Quá trình điều tra, Nguyễn Tuấn T, Nguyễn Thiện C và Nguyễn Hoàng A2 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả (bị can T nộp số tiền 127.245.000 đồng, bị can C nộp số tiền 100.000.000 đồng, bị can Hoàng A2 nộp số tiền 117.611.700 đồng). Sở V1 và Trường N1 đã thu hồi được số tiền 12.350.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả 01 CPU cho Trường N1; tiếp tục tạm giữ các vật chứng có đặc điểm như đã nêu để đảm bảo quá trình xét xử và thi hành án.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKSVL-P1 ngày 09/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Thiện C về tội “*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 4 Điều 357 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Tuấn T về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và tội “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*” theo quy định tại khoản 3 Điều 219 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Hoàng A2 về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2025/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thiện C phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, Nguyễn Tuấn T phạm tội “Tham ô tài

sản” và tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”.

1.1 Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 298; Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thiện C 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2025.

Hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 4 Điều 219 Bộ luật Hình sự: cấm bị cáo Nguyễn Thiện C đảm nhiệm các chức vụ 2 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

1.2.1 Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn T 03 (ba) năm tù.

1.2.2 Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn T 11 (mười một) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo chấp hành chung là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2025.

Hình phạt bổ sung: áp dụng Khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự: cấm bị cáo Nguyễn Tuấn T đảm nhiệm các chức vụ 2 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên bị cáo Nguyễn Hoàng A2 02 (hai) năm tù về tội “Tham ô tài sản” và xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp, án phí và dành quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/01/2026 bị cáo Nguyễn Thiện C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo hoặc xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Ngày 09/01/2026 bị cáo Nguyễn Tuấn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt

Ngày 31/3/2026 bị cáo Nguyễn Thiện C làm đơn thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thiện C và Nguyễn Tuấn T thừa nhận hành vi phạm tội của hai bị cáo như án sơ thẩm đã xét xử, các bị cáo không kháng cáo về tội danh, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo T cung cấp bổ sung tình tiết giảm nhẹ có cha vợ là người có công, sau xét xử bị cáo tác động gia đình khắc phục bổ sung 30.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thiện C và bị cáo Nguyễn Tuấn T kháng cáo, đơn kháng cáo còn trong thời hạn quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về tội danh căn cứ các chứng cứ lời khai các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa phúc thẩm trong quá trình tranh tụng đã có đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm kết tội bị cáo Nguyễn Thiện C phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng

phí”, Nguyễn Tuấn T phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” là có căn cứ đúng pháp luật. Về hình phạt, xét thấy bị cáo Nguyễn Thiện C chỉ sai số tiền gây thất thoát cho ngân sách nhà nước nằm trong nguồn kinh phí được cấp và được sở Sở VH-TT-DL duyệt quyết toán, kho bạc cũng chấp nhận quyết toán, bị cáo không có động cơ vụ lợi, khắc phục xong thiệt hại. Bị cáo Nguyễn Tuấn T về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, xét thấy số tiền chi sai nằm trong dự toán được cấp, được sở Sở VH-TT-DL phê duyệt quyết toán, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, gia đình có cha vợ là người có công, sau xét xử nộp khắc phục bổ sung 30.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bổ sung cho bị cáo khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của hai bị cáo. Đối với yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T về tội “Tham ô tài sản” xét thấy cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã áp dụng hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo tù có thời hạn 03 năm là hình phạt ở khung nhẹ liền kề là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo giữ nguyên án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn T và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thiện C về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2025/HS – ST, ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thiện C phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” Bị cáo Nguyễn Tuấn T phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”

Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 298; Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thiện C 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2025.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn T 03 (ba) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn T từ 08 năm đến 09 năm về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” và tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Tuấn T chấp hành hình phạt của hai tội theo quy định

Quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thiện C: Đề nghị thống nhất với án sơ thẩm về tội danh đã xét xử đối với bị cáo, về hình phạt

Người bào chữa Luật sư Trần Duyên AI: Bị cáo C phạm tội là do nhận thức nhầm lẫn của bị cáo đội tuyển dự bị tập trung là nằm trong đội tuyển năng khiếu các cấp mà Nghị quyết số 18 Hội đồng nhân dân đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

N bào chữa Luật sư Trần Kim H2 và Luật sư Nguyễn Thị B: Cho đến nay chưa có văn bản nào cho rằng đội tuyển dự bị tập trung không nằm trong đội tuyển năng khiếu các cấp, tờ trình 386 chỉ xin chủ trương mức chi tiền cho vận động viên dự bị tập trung, do nhận thức nhầm lẫn của bị cáo vận động viên dự bị tập trung là nằm trong đội tuyển năng khiếu các cấp, trong số tiền thất thoát bị cáo không có hưởng lợi mà chi hết cho các vận động viên, huấn luyện viên dự bị tập trung nhằm mục đích phát triển cho thể thao thành tích cao của tỉnh nhà, bị cáo đã chủ động khắc phục toàn bộ số tiền thất thoát mà án sơ thẩm đã quy kết bị cáo phải chịu trách nhiệm trước khi xét xử sơ thẩm. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và nhiều tình tiết khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 03 Hội đồng Thẩm phán và Nghị quyết số 04 của Ban Chấp hành Trung ương mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng chính sách đặc biệt, chấp nhận kháng cáo của bị cáo C xét xử bị cáo mức hình phạt tù bằng thời gian tạm giam, nếu không được chấp nhận xử bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo.

Người bào chữa Luật sư Nguyễn Văn L1: Trong suốt quá trình chi số tiền cho đội tuyển dự bị tập trung không bị Sở VH-TTDL hay cơ quan, tổ chức nào cảnh báo vi phạm. Do đó về điều kiện, hoàn cảnh bị cáo phạm tội là do nhận thức nhầm lẫn của bị cáo đội tuyển dự bị tập trung là nằm trong đội tuyển năng khiếu các cấp. Trong số tiền thất thoát bị cáo không có hưởng lợi mà chi hết cho các vận động viên, huấn luyện viên dự bị tập trung nhằm mục đích phát triển cho thể thao thành tích cao của tỉnh nhà nên xem đây là tình tiết đặc biệt, bị cáo đã chủ động khắc phục toàn bộ số tiền thất thoát mà án sơ thẩm đã quy kết bị cáo phải chịu trách nhiệm trước khi xét xử sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 03 Hội đồng Thẩm phán và Nghị quyết số 04 của Ban Chấp hành Trung ương chấp nhận kháng cáo của bị cáo C giảm nhẹ cho bị cáo thấp hơn đề nghị của kiểm sát viên.

Quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn T: Điều thống nhất với án sơ thẩm về tội danh đã xét xử đối với bị cáo, về hình phạt

Người bào chữa Luật sư Nguyễn Thị B: Về tội “Tham ô tài sản” bị cáo không có tình tiết tăng nặng, thống nhất về tình tiết giảm nhẹ của Kiểm sát viên đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho Sở VH-TTDL và Trung tâm huấn luyện xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, các phụ huynh của các cháu ở đội tuyển dự bị tập trung có gửi đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo có cha vợ là người có công với nước, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” số tiền thất thoát dù chỉ sai quy định nhưng bị cáo không có hưởng lợi mà chi hết cho các vận động viên và huấn luyện viên dự bị tập trung nhằm mục đích phát triển cho thể thao thành tích cao của tỉnh nhà, hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn nhưng cũng tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả thiệt hại, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa Luật sư Nguyễn Văn L1: về tội “Tham ô tài sản” đề nghị áp dụng tình tiết khắc phục toàn bộ hậu quả giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hơn đề nghị của

kiểm sát viên. Về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Trong suốt quá trình chi số tiền cho đội tuyển dự bị tập trung không bị Sở VH TTDL hay cơ quan, tổ chức nào cảnh báo vi phạm. Do đó về điều kiện, hoàn cảnh bị cáo phạm tội là do nhận thức nhầm lẫn của bị cáo đội tuyển dự bị tập trung là nằm trong đội tuyển năng khiếu các cấp, trong số tiền thất thoát bị cáo không có hưởng lợi mà chi hết cho các vận động viên, huấn luyện viên dự bị tập trung nhằm mục đích phát triển cho thể thao thành tích cao của tỉnh nhà nên xem đây là tình tiết đặc biệt, bị cáo đã chủ động khắc phục toàn bộ số tiền thất thoát mà án sơ thẩm đã quy kết bị cáo phải chịu trách nhiệm trước khi xét xử sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 03 Hội đồng Thẩm phán và Nghị quyết số 04 của Ban Chấp hành Trung ương chấp nhận kháng cáo của bị cáo T giảm nhẹ cho bị cáo thấp hơn đề nghị của kiểm sát viên.

Người bào chữa Luật sư Nguyễn Thanh H: Mặc dù kiểm sát viên đề nghị áp dụng cho bị cáo khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho bị cáo xuống 08 đến 09 năm tù vẫn còn nặng đối với bị cáo, vì số tiền thất thoát bị cáo không có hưởng lợi, cha vợ là người có công, kinh tế bị cáo quá khó khăn không có tiền khắc phục hết hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 04 của Ban Chấp hành Trung ương chấp nhận kháng cáo của bị cáo T giảm nhẹ cho bị cáo xuống 03 năm tù. Về tội “Tham ô tài sản” đề nghị áp dụng tình tiết khắc phục toàn bộ hậu quả giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống khung 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Tuấn T nói lời sau cùng: Hoàn cảnh kinh tế bị cáo quá khó khăn không có tiền khắc phục hết hậu quả, mong được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Thiện C nói lời sau cùng: Sức khỏe bị cáo không tốt, bản thân mang nhiều chứng bệnh, mong được xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét trình tự theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng đều hợp pháp.

[3] Sở VH TTDL tỉnh V1 là đơn vị trực tiếp soạn thảo Nghị quyết số 18 của HĐND tỉnh, nên bị cáo Nguyễn Thiện C và Nguyễn Tuấn T3 đều biết Nghị quyết số 18 của HĐND tỉnh không cho chi tiền dinh dưỡng cho đối tượng đội tuyển

năng khiếu dự bị tập trung, nhưng bị cáo T3 vẫn ký Tờ trình số 386 gửi Sở VH TTDL tỉnh V1 xin chủ trương chi tiền dinh dưỡng cho đối tượng vận động viên, huấn luyện viên năng khiếu dự bị tập trung. Bị cáo Nguyễn Thiện C là người ký Công văn số 2964 cho chủ trương T4 Năng khiếu chi tiền dinh dưỡng cho đối tượng vận động viên, huấn luyện viên năng khiếu dự bị tập trung theo Nghị quyết số 18 của HĐND tỉnh. Theo Nghị quyết số 18 không quy định chi tiền dinh dưỡng cho đối tượng vận động viên, huấn luyện viên năng khiếu dự bị tập trung. Như vậy khi ký Tờ trình số 386 và Công văn số 2964 bị cáo Nguyễn Tuấn T và bị cáo Nguyễn Thiện C nhận thức rõ Nghị quyết số 18 không cho phép chi tiền dinh dưỡng cho đối tượng vận động viên, huấn luyện viên năng khiếu dự bị tập trung. Nội dung Công văn số 2964 trái quy định pháp luật (trái Nghị quyết số 18). Căn cứ vào Công văn số 2964 bị cáo T đã chỉ đạo kế toán rút kinh phí, bị cáo duyệt chi tiền dinh dưỡng cho đối tượng vận động viên, huấn luyện viên năng khiếu dự bị tập trung. Tổng số tiền chi từ khi Nghị quyết số 18 có hiệu lực pháp luật đến khi hết hiệu lực là 38 chứng từ với số tiền 2.326.220.000 đồng. Khi Nghị quyết số 03 của HĐND tỉnh có hiệu lực pháp luật thay thế Nghị quyết số 18, bị cáo T không xin chủ trương của Sở VH TTDL mà tiếp tục căn cứ vào Công văn số 2964 chỉ đạo kế toán rút kinh phí bị cáo duyệt chi tiền dinh dưỡng cho đối tượng vận động viên, huấn luyện viên năng khiếu dự bị tập trung với 48 chứng từ tổng số tiền 2.804.360.000 đồng. Cộng chung tất cả 86 chứng từ bị cáo T đã chỉ đạo và duyệt chi tổng số tiền 5.130.580.000 đồng. Hành vi chi tiền của bị cáo T nêu trên là trái pháp luật, không đúng đối tượng thụ hưởng, gây thất thoát, lãng phí ngân sách của Nhà nước thuộc quyền quản lý của bị cáo T. Cơ quan điều tra không chứng minh được bị cáo T và bị cáo C có động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác khi thực hiện hành vi nêu trên. Bị cáo C không trực tiếp phụ trách, quản lý tài chính, ngân sách của Sở VH TTDL và T4 Năng khiếu nhưng xuất phát từ Công văn số 2964 của C là điều kiện cho T thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Ngoài ra bị cáo T không trực tiếp tham gia giảng dạy nhưng T đã chỉ đạo cấp dưới lập bảng chấm công cho T và lập danh sách có tham gia giảng dạy môn Cờ để được hưởng tiền phụ cấp giảng dạy số tiền 127.245.000 đồng từ ngân sách Nhà nước. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Nguyễn Thiện C phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, Nguyễn Tuấn T phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” là có căn cứ đúng pháp luật

[4] Về hình phạt: Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thiện C và Nguyễn Tuấn T xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đối với hai bị cáo đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo như hành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động và tác động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả, có thành tích xuất sắc trong công tác được UBND tỉnh B tặng Bằng khen. Bị cáo C là người trên 60 tuổi, bị cáo T có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên theo quy định tại các điểm b, s, v khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Và cũng đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo C và áp dụng đối với bị cáo Tú tội tham ô tài sản, đối với số tiền gây hậu quả thất thoát bị cáo khắc phục thiệt hại số tiền không đáng kể, từ đó xử phạt

bị cáo C 04 năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” và xử phạt bị cáo T 03 năm tù về tội “Tham ô tài sản”, 11 năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo T tác động khắc phục hậu quả bổ sung số tiền 30.000.000 đồng và có cha vợ ông Đỗ Văn C4 là người có công với nước được tặng thưởng 03 huân chương nên được áp dụng bổ sung cho tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm trong áp dụng pháp luật về tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T ở tội danh “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” quy định tại Điều 219 Bộ luật Hình sự là áp dụng không chính xác làm bất lợi về hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra xét thấy cả hai bị cáo cũng đã có nhiều công lao đóng góp cho thành tích thể thao tỉnh nhà và cả hai không có hưởng lợi từ số tiền gây thất thoát, lãng phí mà chỉ hết số tiền thất thoát trong vụ án cho huấn luyện viên và học viên với mục đích phát triển chung vì thành tích thể thao của tỉnh. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của hai bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo ở tội danh “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2025/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Vĩnh Long. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T ở tội danh “Tham ô tài sản” xét thấy cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã áp dụng hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo tù có thời hạn 03 năm là hình phạt ở khung nhẹ liền kề là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo C và bị cáo T ở tội danh “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” sửa án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T ở tội danh “Tham ô tài sản” là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm người bào chữa cho hai bị cáo có một phần đề nghị xem xét giảm nhẹ cho hai bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: bị cáo Nguyễn Thiện C và Nguyễn Tuấn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn T và bị cáo Nguyễn Thiện C xin giảm nhẹ hình phạt tội danh “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản

Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn T xin giảm nhẹ hình phạt tội danh “Tham ô tài sản”.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2025/HS – ST, ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thiện C phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”, bị cáo Nguyễn Tuấn T phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” và tội “Tham ô tài sản”.

1. Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thiện C 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2025.

Hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 4 Điều 219 Bộ luật Hình sự: cấm bị cáo Nguyễn Thiện C đảm nhiệm các chức vụ 2 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn T 03 (Ba) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

3. Áp dụng khoản 3 Điều 219; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn T 08 (Tám) năm tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”.

4. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Tuấn T chấp hành hình phạt chung 02 (Hai) năm tù là 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2025.

Hình phạt bổ sung: áp dụng Khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự: cấm bị cáo Nguyễn Tuấn T đảm nhiệm các chức vụ 2 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5. Áp dụng Điều 4 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025: Kiến nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh V có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý.

Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d, khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tuấn T, bị cáo Nguyễn Thiện C không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long (2b);
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 5 – Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (6b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành